TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195A /2020/HNGĐ- PT.
Ngày: 07/12/2020
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều T .***
Các Thẩm phán: ***Ông Nguyễn Hồng L***
Bà Trần Thị Thanh T
Thư ký phiên toà: ***Bà Trần Tuyết Nhung*** - Thư ký Tòa án.
Đại diện VKSND thành phố H : ***Ông Nguyễn Mạnh T*** - *KSV*

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H , xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 181/2020/TLPT - HNGĐ ngày 4 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: Ly hôn .

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2020/ HNGĐ - ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 82/2020/QĐPT - HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐ-HPT giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Anh ***Trần Minh H ,*** sinh năm 1983 (Có mặt).

HKTT: Thôn Trường S, xã Trường Y, huyện H, tỉnh N.

Nơi cư trú: Số 236 đường Tam T , phường Y , quận H , H .

Bị đơn: Chị ***Nguyễn Thị D ,*** sinh năm 1983 (Có mặt).

HKTT: Thôn Trường S, xã Trường Y, huyện H, tỉnh N.

Nơi cư trú: Số 236 đường Tam T , phường Y , quận H , H .

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị D vào ngày 29/10/2009, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã

Trường Y, huyện H, tỉnh N, đây là lần kết hôn thứ nhất. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại H , vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xô sát đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, từ đó anh sinh ra chán nản và tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt; Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được; Chị D đã nhiều lần làm đơn ly hôn anh nhưng chị D chưa nộp ra Tòa án, lần làm đơn xin ly hôn gần nhất là vào ngày mồng một tết âm lịch. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 8/2018, từ đó vợ chồng tuy sống cùng một nhà trọ nhưng đã ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010 và cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015. Ly hôn anh xin được nuôi cháu Bảo C, để chị D nuôi cháu Quốc Triệu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng (Động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết**.**

Tại bản tự khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa và văn bản tố tụng khác bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Minh H vào ngày 29/10/2009, trước khi cưới có tự nguyện tìm hiểu, có đăng kí kết hôn tại UBND xã Trường Y, huyện H, tỉnh N, đây là lần kết hôn thứ nhất. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại H , vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh H không minh bạch về vấn đề làm ăn kinh tế trong gia đình, anh H có đánh chửi chị, không tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng ngày một lạnh nhạt; anh H nghe người ngoài về nhà đánh vợ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào tháng 8/2018, Khoảng tháng 8/2019 chị bỏ nhà ra ngoài sống riêng nguyên nhân vì mâu thuẫn, không hợp tính cách, và chị cũng muốn để anh H tự lo liệu công việc trong gia đình, để biết được sự vất vả của người vợ trong gia đình. Từ khi lấy nhau anh H sống không cởi mở. Nay anh H làm đơn ly hôn, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H , chị không đồng ý ly hôn vì hai con cần có đầy đủ bố, mẹ.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010 và cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015. Nếu

phải ly hôn chị xin được nuôi hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác nhận vợ chồng không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2020/ HNGĐ – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H đã quyết định như sau :

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử*:* 1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh H . Cho anh Trần Minh H ly hôn chị Nguyễn Thị D .

2. Về con chung: Giao anh Trần Minh H được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015; Giao chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010; kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoãn việc dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu khác.

Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Minh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Trần Minh H và chị Nguyễn Thị D thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xét.

4.Về nợ chung*:* Anh Trần Minh H và chị Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

Chị D vẫn giữ yêu cầu kháng cáo về toàn bộ bản án sơ thẩm. Anh H không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị D trong thời hạn Luật định. Tại phiên tòa anh H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, chị D giữ yêu cầu kháng cáo về toàn bộ bản án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56,81 luật Hôn nhân gia đình; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị D , căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H , giao hai con chung cho mỗi người nuôi một cháu, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị D trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ.

Về tình cảm: Anh Trần Minh H và chị Nguyễn Thị D kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Ngày 29/10/2009 anh, chị đăng kí kết hôn tại UBND xã Trường Y, huyện H, tỉnh N, hôn nhân của anh chị hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng sống tại H .

Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình " *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau* ". Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của anh chị tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp và bất đồng quan điểm, thường xuyên đánh cãi nhau dẫn đến cô xát, không tôn trọng nhau, tình cảm ngày một lạnh nhạt. Chị D đã nhiều lần làm đơn ly hôn nhưng chưa nộp ra Tòa án. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 8/2018, từ đó vợ chồng tuy sống cùng một nhà nhưng đã ly thân không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, trong cuộc sống hôn nhân từ hai năm nay anh chị mất lòng tin đối với nhau, không có sự tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày, đã ly thân không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H , chị D là có căn cứ phù hợp với điều 19, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác định anh H , chị D có hai con chung là cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010 và cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh H xin được nuôi cháu Bảo C , để chị D nuôi cháu Quốc T, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D xác định nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh H xin được nuôi cháu Trần Hoàng Bảo C , để chị D nuôi cháu Trần Quốc T và không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp pháp luật, do vậy cấp sơ thẩm giao cháu Trần Hoàng Bảo Ccho anh H nuôi dưỡng; giao chị D nuôi dưỡng cháu Trần Quốc T . Hai bên không phải đóng góp nuôi con chung cho nhau là phù hợp quy định của pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D xin nuôi cả hai cháu.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Anh Trần Minh H và chị Nguyễn Thị D thống nhất xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận**,** ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Anh Trần Minh H và chị Nguyễn Thị D cùng xác nhận không có vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm
Chị D phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 56, 81,82 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị D .

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2020/ HNGĐ – ST, ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận H về việc ly hôn và quyết định như sau:

1. Về tình cảm : Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H . Anh Trần Minh H được ly hôn chị Nguyễn Thị D

2. Về con chung: Xác nhận anh H và chị D có 02 con chung là cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010 và cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015. Giao cháu Trần Hoàng Bảo C(Nữ), sinh ngày 15/5/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Quốc T (Nam), sinh ngày 12/12/2010 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản:

* Động sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

* Bất động sản: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

4. Về nợ: Anh chị không yêu cầu Toà giải quyết nên Tòa không xét.

5. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0005571 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H , Thành phố H 0005913. Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm (đã nộp) 300.000đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006020 ngày 6/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND quận H
- VKSND TP H .
- Đương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kiều T